

Đời sống người cao tuổi ở thành phố Cần Thơ trong bối cảnh già hóa dân số

Phan Thuận*

Nhận ngày 30 tháng 7 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Già hóa dân số đã tác động mạnh mẽ đến đời sống của người cao tuổi (NCT). Bài viết sử dụng số liệu thu thập từ 399 NCT được lựa chọn ngẫu nhiên ở 6 quận, huyện thuộc thành phố Cần Thơ: Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh. Nghiên cứu phân tích thực trạng đời sống của NCT ở thành phố Cần Thơ trên các phương diện, như: nguồn sinh kế, thu nhập và việc làm, tình trạng sức khỏe, sắp xếp nơi ở và nhu cầu giao lưu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thu nhập của NCT còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của con cháu; sức khỏe của họ giảm dần theo nhóm tuổi; đa số NCT vẫn chung sống với con cái; nhu cầu giao lưu của NCT bị chi phối bởi khuôn mẫu giới... Từ đó, bài viết gợi mở một số khuyến nghị hàm ý chính sách hỗ trợ NCT để họ có cuộc sống tốt đẹp trong bối cảnh già hóa dân số.

Từ khóa: Người cao tuổi, già hóa dân số, đời sống người cao tuổi.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Population aging has had a strong impact on the lives of the elderly. The article uses data collected from 399 elderly people randomly selected in 6 districts Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai and Vĩnh Thạnh of Cần Thơ city. The study analyzes the current situation of the elderly's life in Cần Thơ city in terms of sources of livelihood, income and employment, health status, accommodation arrangement and needs of social relations. Research results show that the elderly's income depends on the support of their children and grandchildren; their health declines with age group; the majority of elderly people still live with their children; The elderly's communication needs are dominated by gender stereotypes. Based on the findings, the article proposes some recommendations, implying policies to support the elderly so that they can have a good life in the context of population aging.

Keywords: Elderly people, aging population, life of the elderly.

Subject classification: Sociology

* Học viện Chính trị khu vực IV, thành phố Cần Thơ.
Email: phanthuanhv482@gmail.com

1. Giới thiệu

Các nghiên cứu của Foot D.K (2008), Takao, Y (2009), UNFPA (2011), Lê Văn Khảm (2014) và Aon (2017) cho rằng, già hóa dân số là quá trình tất yếu của sự phát triển dân số. Trong bối cảnh già hóa dân số, NCT có xu hướng tăng nhanh và có rất nhiều nguy cơ bị tổn thương.

Các nghiên cứu của Trần Thị Vân Anh (2008), UNFPA (2014), Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu (2019) và Kumagai, S (2019) cho rằng, thu nhập của NCT là một trong những vấn đề đáng quan tâm, bởi đa số người già đều có thu nhập thấp và bấp bênh, trong đó nguồn thu nhập của NCT chủ yếu có được từ hỗ trợ của con cháu, hỗ trợ của nhà nước, lương hưu và tự buôn bán/ kinh doanh. Có sự khác biệt về thu nhập giữa nam và nữ, giữa thành thị và nông thôn (Trần Thị Vân Anh, 2008). Tuy nhiên, tỷ lệ NCT có lương hưu và các hỗ trợ xã hội còn thấp. Có khoảng 70% dân số trong độ tuổi 60-79 không nhận được sự hỗ trợ nào từ các chương trình của Chính phủ. Trong khi đó, tình trạng lạm phát đã làm giá trị của lương hưu giảm xuống khoảng 33% kể từ năm 2010 (UNFPA, 2014).

Việc làm là một trong những nhu cầu chính đáng của NCT bởi họ cũng cần có việc làm để đảm bảo cuộc sống. Tuy nhiên, cơ hội việc làm của người già là một trong những vấn đề đặt ra hiện nay. Không phải NCT nào cũng may mắn tìm kiếm được việc làm phù hợp sức khỏe và tuổi tác của họ (Phan Thuận, 2020b). Nếu có thì đa số NCT tìm kiếm những công việc có thu nhập thấp, bấp bênh (Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019) bởi tình trạng phân biệt tuổi tác. Có hơn 42% người từ 55 tuổi trở lên bị phân biệt đối xử (Government Office for Science, 2016). Ngoài ra, thông tin việc làm dành cho NCT cũng hạn chế và đa số họ có việc làm chủ yếu dựa vào quan hệ quen biết (Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019).

Sức khỏe là một trong những vấn đề quan tâm của người già. Các nghiên cứu của Dương Huy Lương (2010), Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Dương (2018) đã chỉ rõ, sức khỏe của NCT tỷ lệ nghịch với tuổi tác. Sức khỏe của NCT càng hạn chế thì càng ảnh hưởng đến chất lượng sống của họ; chất lượng cuộc sống của NCT giảm dần theo nhóm tuổi; NCT nam có chất lượng sống cao hơn NCT nữ (Dương Huy Lương, 2010). Tác giả Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Dương (2018) cho biết: khoảng 95% NCT có bệnh, chủ yếu là bệnh mãn tính không lây truyền, trung bình một NCT Việt Nam mắc ba bệnh. Cho nên, gánh nặng bệnh tật kép ở NCT đòi hỏi nhà nước, cộng đồng và gia đình phải đầu tư nguồn ngân sách đáng kể cho công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc y tế cho NCT.

Việc thu xếp cuộc sống của NCT cũng được nhiều nghiên cứu quan tâm. Các nghiên cứu của Bé Quỳnh Nga (2005), Dương Chí Thiện (2001) đã chỉ ra rằng, nhiều NCT lựa chọn sống chung với con cái, đặc biệt là con trai cả trong gia đình. Tuy nhiên, trong bối cảnh già hóa dân số, quy mô và cấu trúc gia đình đã thay đổi, từ gia đình mở rộng sang gia đình hạt nhân nên NCT cũng gặp không ít khó khăn trong cuộc sống về vấn đề chỗ ở. Xu hướng sống đơn thân và cô đơn cũng là một hiện tượng xã hội của NCT. NCT có xu hướng cô đơn ngày càng nhiều, đặc biệt đối với những người mà bạn đời của họ đã mất hoặc những người ít bạn bè (Jaafar, H. Mohamad and Romil, H. Muhamad, 2019). Theo Age UK, hơn hai triệu người ở Anh từ 75 tuổi trở lên sống cô đơn và hơn một triệu người nói rằng, họ hơn một tháng không nói chuyện với bạn bè, hàng xóm hoặc thành viên trong gia đình. Sự cô đơn của NCT tác động tiêu cực đến đời sống của họ. Nhiều nghiên cứu cho thấy,

sự cô đơn có liên quan đến bệnh mất trí, trầm cảm, giảm chất lượng giấc ngủ, giảm hoạt động thể chất và chết yểu (Jaafar, H. Mohamad and Romil, H. Muhamad, 2019).

Thành phố Cần Thơ là một trong những trung tâm phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trong thập niên (2009-2019), tỷ trọng dân số 60 tuổi trở lên (60+) ở thành phố Cần Thơ tăng nhanh từ 7,76% năm 2009 lên 11,98% (Tổng cục Thống kê, 2019) trong năm 2019. Tuổi thọ trung bình của dân số thành phố cũng tăng từ 75,5 tuổi lên 75,9 tuổi, trong đó tuổi thọ của nữ là 78,7 tuổi và của nam là 73,3 tuổi (Tổng cục Thống kê, 2019). Chỉ số già hóa toàn vùng năm 2019 là 59,7%, tăng 24,2% so với năm 2009 (35,5%), tỷ số cụ bà/100 cụ ông từ 60+ là 138,4 (Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, 2019). Tuy nhiên, chân dung cuộc sống của NCT nơi đây chưa có đánh giá cụ thể, chuyên sâu trong thời gian qua. Vì vậy, bài viết bàn về vấn đề đời sống của NCT ở thành phố Cần Thơ trong bối cảnh già hóa dân số. Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng đời sống NCT ở thành phố Cần Thơ nhằm góp phần bổ sung vào “khoảng trống” trong vấn đề này. Từ đó đưa ra kiến nghị hàm ý chính sách nhằm giúp cho NCT “sống vui, sống khỏe và sống có ích”.

2. Khái niệm và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Về NCT, mỗi tổ chức quốc tế có cách nhận diện khác nhau. Quỹ dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), trong Báo cáo tóm tắt “Già hóa trong thế kỉ XXI: Thành tựu và thách thức” công bố năm 2012 hàm ý NCT là những người có độ tuổi từ 60 trở lên (UNFPA, 2011). Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) trong “Công ước số 128 năm 1967 về trợ cấp khuyết tật, trợ cấp tuổi già và trợ cấp người sống sót” xác định, NCT là người 65 tuổi trở lên (ILO, 1967). Cơ quan Thống kê của Liên minh châu Âu (Eurostat) cũng coi NCT là những người từ 65 tuổi trở lên (Adu-bediaka, I, 2013).

Tại Việt Nam, Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được Quốc hội khóa XII, kì họp thứ 6 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009 xác định, NCT được quy định là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, đối với cả nam và nữ (Quốc hội, 2019).

Già hóa dân số đã trở thành chủ đề quan tâm không chỉ ở các nước trên thế giới mà cả ở Việt Nam. Già hóa dân số là quá trình thay đổi cấu trúc dân số theo xu hướng gia tăng tỷ lệ NCT. Điều này thường được phản ánh qua việc tăng tuổi thọ trung bình, giảm tỷ lệ trẻ em và tăng tỷ lệ dân số trung niên (Diener et al, 1981). Theo UNFPA, khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7-9,9% tổng dân số thì được coi là “già hóa” (UNFPA, 2011). Tương tự, 10-19,9% gọi là dân số “già”; 20-29,9% gọi là dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là dân số “siêu già”. Với Việt Nam, dân số được xem như “già hóa” nếu tỷ trọng nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7-10% tổng dân số (Tổng cục Thống kê, 2017).

Diener và cộng sự cho rằng, sự hài lòng với cuộc sống là “một sự đánh giá tổng thể về chất lượng sống của một cá nhân dựa trên những tiêu chí của chính mình” (Diener et al, 1981, tr.71). “Sự hài lòng với cuộc sống là sự bằng lòng hoặc chấp nhận với các điều kiện sống hoặc sự thỏa mãn các nhu cầu và mong muốn về cuộc sống nói chung” (Nguyễn Thị Xuân Mai, 2019). Như vậy, các quan niệm trên đều thống nhất rằng, sự hài lòng về cuộc sống là cá nhân tự so sánh giữa cái đạt được với tiêu chí mình đưa ra và thỏa mãn với những

tiêu chí đó trong bối cảnh cụ thể. Nghiên cứu đã sử dụng thang đo “sự hài lòng với cuộc sống” gồm 5 chỉ báo do Diener và cộng sự (1985). Việc đo lường này, các câu hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert với 5 bậc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng đời sống NCT ở thành phố Cần Thơ, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu có sẵn nhằm hình thành khung phân tích của vấn đề; các báo cáo, thống kê của địa phương. Ngoài ra, nghiên cứu cũng thực hiện thu thập thông tin bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Khảo sát được diễn ra trong quý I của năm 2021. Đối tượng NCT từ 60-75 tuổi ở 6 quận, huyện của thành phố Cần Thơ, như: Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh với số lượng 399 NCT được lựa chọn trên cơ sở nhóm tổng thể NCT (ước tính sai số cho phép là 5%). Chọn nhóm NCT từ 60-75 tuổi là do: (i) nhóm tuổi này còn có khả năng tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội, họ có thể vừa tham gia kiếm tiền vừa chăm sóc các thành viên gia đình; (ii) họ vẫn còn minh mẫn để tham gia phỏng vấn của nghiên cứu; (iii) nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế cho nên không thể mở rộng khách thể ở các nhóm tuổi cao hơn.

Độ tuổi trung bình của NCT được khảo sát là 66,4 tuổi; trong đó, nhóm tuổi từ 60-64 chiếm 36,1%; 65-69 tuổi chiếm 37,3% và từ 70-75 tuổi chiếm 22,6%. Với 399 NCT được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát, có 68,4% NCT sống ở thành thị và 31,6% sống ở nông thôn; nam cao tuổi chiếm 44,9%, nữ cao tuổi chiếm 55,1%. Có 58,4% NCT đánh giá mức sống của họ thuộc nhóm trung bình; 27,1% thuộc nhóm khá giả trở lên và 14,5% thuộc nhóm cận nghèo trở xuống.

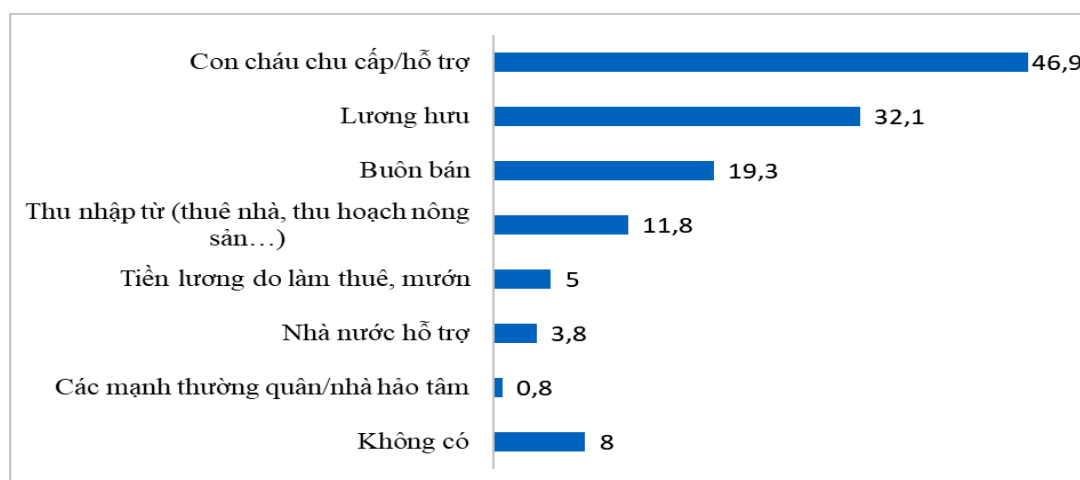
3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nguồn sinh kế, thu nhập và việc làm của người cao tuổi

Nguồn sinh kế của NCT là một trong những vấn đề quan tâm trong bối cảnh già hóa dân số, bởi một trong những khó khăn của NCT phải đối mặt là vấn đề tài chính. Câu hỏi đặt ra là “nguồn sinh kế của NCT ở thành phố Cần Thơ như thế nào”? Kết quả khảo sát cho thấy, có 92% NCT cho rằng, họ có thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau. Tính bình quân nguồn mang lại thu nhập cho NCT là 1,3 nguồn/người, trong đó cao nhất là 4 nguồn thu nhập và thấp nhất là 1 nguồn thu nhập. Có 73% cho rằng họ có một nguồn thu nhập và có 27% có từ hai nguồn thu nhập trở lên.

Biểu 1 cho thấy, có gần ½ tổng số NCT cho rằng thu nhập, của họ có được từ sự hỗ trợ của con cháu và có 32,1% cho rằng, họ có lương hưu. Ngoài ra, thu nhập của NCT còn có từ hoạt động, như: buôn bán, làm thuê mướn, thu nhập từ các hoạt động cho thuê, mướn nhà... Có thể nói, nguồn sinh kế của NCT của thành phố Cần Thơ khá đa dạng. Mặc dù vậy, hỗ trợ của con cháu là nguồn thu nhập chiếm tỷ lệ cao nhất của NCT. Điều này phản ánh truyền thống hiếu thảo của người Việt Nam nói chung, của người dân Tây Đô nói riêng. Bên cạnh đó, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ (8%) NCT không có thu nhập do có một bộ phận NCT đang sống tại trung tâm nuôi dưỡng người già của thành phố và một bộ phận cho rằng, họ được con cháu nuôi.

Biểu 1: Nguồn thu nhập của NCT thành phố Cần Thơ (đơn vị %)



Nguồn: Kết quả khảo sát về NCT của tác giả, 2021

Về thu nhập, tổng thu nhập của NCT từ các nguồn sinh kế được tính bình quân hàng tháng khoảng 4 triệu đồng, cao hơn 0,6 triệu đồng/tháng so với thu nhập bình quân của NCT ở ĐBSCL (Phan Thuận, 2020a), nhưng thấp hơn mức thu nhập bình quân của toàn thành phố Cần Thơ là 0,7 triệu đồng theo kết quả điều tra mức sống năm 2019 (Tổng cục Thống kê, 2019). Trong đó, nhóm 20% người có thu nhập thấp nhất (dưới 1 triệu) chỉ có 1 nguồn sinh kế, chiếm 22,5% so với 2% người có 2 nguồn sinh kế trong cùng nhóm thu nhập. Trong khi đó, có 38,4% NCT thuộc nhóm 20% người có thu nhập cao nhất (từ 7 triệu trở lên) có từ 2 nguồn sinh kế trở lên so với 16,5% người có một nguồn sinh kế trong cùng nhóm thu nhập. Có 78,6% nhóm 20% người có thu nhập cao nhất có nguồn sinh kế là lương hưu; trong khi đó nhóm thuộc 20% người có thu nhập nhất tập trung ở nguồn sinh kế từ con cháu hỗ trợ (55,9%); các nhóm ở khoảng giữa tập trung nguồn sinh kế liên quan đến buôn bán, làm thuê, mướn... Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy có tình trạng phân hóa thu nhập trong từng nhóm của NCT. Ước tính bình quân thu nhập của 20% NCT thuộc nhóm thu nhập thấp nhất (0,85 triệu đồng/tháng) và 20% của NCT thuộc nhóm thu nhập cao nhất (10 triệu đồng/tháng). Chênh lệch thu nhập giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất là 12,5 lần. Sự chênh lệch này cao hơn rất nhiều so với chênh lệch chung của thành phố (7,2 lần) theo kết quả điều tra mức sống năm 2019. Trong đó, chênh lệch thu nhập của NCT có lương hưu so với NCT có con cháu hỗ trợ, làm thuê lần lượt là 2,6 lần và 1,2 lần. Điều này cho thấy, có sự phân hóa rất rõ ràng giữa các nhóm NCT có các nguồn sinh kế khác nhau. Vì thế, đa dạng hóa sinh kế cho NCT và khuyến khích người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội là một trong những biện pháp giúp cho họ chuẩn bị ứng phó với những thách thức tài chính khi bước vào tuổi xế chiều.

Về tình trạng việc làm, theo “Báo cáo phát huy vai trò của người cao tuổi”, toàn thành phố có 1.362 NCT làm chủ sản xuất kinh doanh có giấy phép đăng ký, trong đó ở Ninh Kiều có 36 người, Cái Răng có 129 người, Bình Thủy có 35 người, Phong Điền có 51 người, Thới Lai có 15 người và Vĩnh Thạnh có 156 người (Ban đại diện người cao tuổi thành phố Cần Thơ, 2020). Có thể nói, NCT vẫn tham gia tích cực vào trong hoạt động kinh tế

và khẳng định được vai trò của NCT đối với phát triển kinh tế - xã hội ở thành phố. Điều này được củng cố thông qua dữ liệu định tính cho thấy, “NCT của quận rất tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều người nhiều năm liền đạt danh hiệu NCT sản xuất kinh doanh giỏi” (PVS CB01, Hội Người cao tuổi, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ). Rõ ràng, tuổi càng cao, ý chí quyết tâm làm giàu càng cao và nhiều NCT trở thành tấm gương để cho tuổi trẻ học tập.

NCT ở thành thị và nông thôn đều không làm gì hoặc chỉ làm công việc nội trợ chiếm tỷ lệ khá cao (khoảng 60,3% ở nông thôn và 57,5% ở thành thị). NCT tham gia nghiên cứu, giảng dạy ở thành thị chiếm 1,8% so với 0% ở nông thôn; công việc buôn bán (18,3% ở thành thị so với 15,1% ở nông thôn), nghề tự do, dịch vụ (5,5% ở thành thị so với 1,6% ở nông thôn); làm ruộng/vườn ở nông thôn chiếm 19,8% so với 9,2% ở thành thị. Sở dĩ có sự khác biệt là do, điều kiện của khu vực sống là những yếu tố có ảnh hưởng đến sự lựa chọn loại công việc của NCT sau tuổi 60. Đặc biệt, ở thành thị thuận lợi cho các loại công việc, như: buôn bán, giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ hơn ở nông thôn. Ở chiều cạnh nhóm tuổi, đa số NCT từ 70-75 tuổi không làm gì chiếm tỷ lệ 74,6% so với 46,3% của nhóm NCT từ 60-64 và 57,6% của nhóm NCT từ 65-69. Ngược lại, nhóm NCT từ 60-64 tuổi vẫn còn tham gia hoạt động kiếm tiền chiếm tỷ lệ cao so với các nhóm tuổi từ 65-75. Rõ ràng, có sự khác biệt công việc hiện tại theo nhóm tuổi.

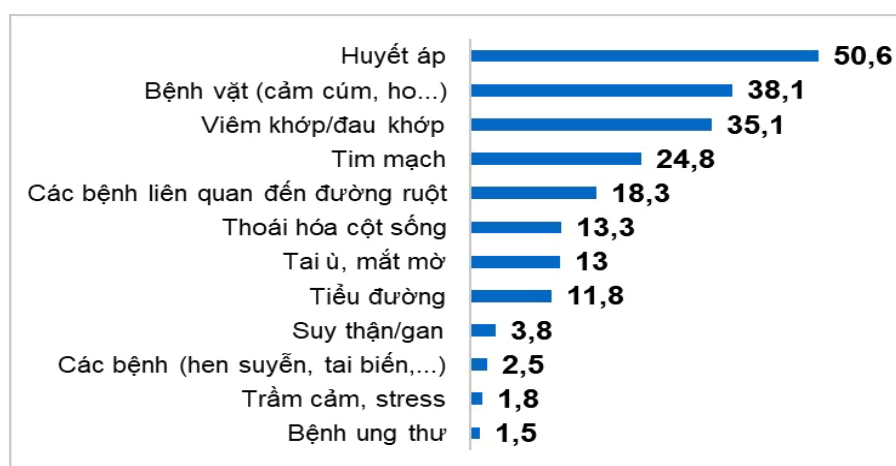
Sự chuyển dịch công việc là một trong những vấn đề cần xem xét khi nghiên cứu NCT với tư cách như một bộ phận cấu thành cơ cấu trong xã hội. Sự thay đổi công việc của NCT trước 60 tuổi và sau 60 tuổi thể hiện rất rõ ở một số nhóm xã hội. Nhóm NCT có sự dịch chuyển công việc khá đa dạng, sau 60 tuổi thì tập trung vào nhóm cán bộ, công chức viên chức nhà nước. Hiện tại, một số NCT trước đó làm giảng viên, nghiên cứu thì vẫn tiếp tục tham gia nghiên cứu, giảng dạy; đa số NCT là cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước sau khi hết tuổi công tác thì họ nghỉ ngơi (chiếm 51,2%) và có một bộ phận nhỏ thì chuyển sang hướng kinh doanh, buôn bán hoặc làm dịch vụ (8,3%) hoặc tham gia các tổ chức ở địa phương (14,9%). Nhóm NCT trước đây làm công nhân, lao động thì dịch chuyển sang nghề tự do là 13,0%, tham gia các tổ chức ở địa phương là 4,3%, buôn bán là 17,4% và nghỉ ngơi là 39,2%. Trong khi đó, có 57,5% NCT trước đó có công việc buôn bán và 41,5% làm ruộng/vườn thì hiện tại vẫn duy trì công việc này; điều này cho thấy, ít có sự dịch chuyển công việc sau tuổi 60 và có một bộ phận chuyển sang nghỉ ngơi hoặc làm công việc nội trợ ở nhóm đối tượng này. Nhóm NCT làm công việc nhà, nội trợ hoặc không làm gì cả thì không thấy có sự dịch chuyển. Điều này cho thấy, sự dịch chuyển công việc chủ yếu thuộc các nhóm NCT làm công ăn lương trước đó. Khi hết tuổi lao động họ buộc phải ra khỏi thị trường lao động, nhưng do cuộc sống cho nên họ phải tiếp tục mưu sinh bằng nhiều công việc khác nhau. Sự tham gia vào các công việc khác nhau cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc sử dụng thời gian dành cho các hoạt động trong đời sống hằng ngày của NCT.

3.2. Sức khỏe của người cao tuổi

Sức khỏe là một trong những thách thức đối với NCT. Không ai không trải qua quá trình lão hóa, bởi đó là quy luật tất yếu trong vòng đời của con người. Tuổi tác và sức khỏe vốn có mối quan hệ trái chiều nhau (Dương Huy Lương, 2010), và theo ước tính, có khoảng 95% NCT ở Việt Nam có mắc ít nhất một căn bệnh (Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Dương, 2018), có hơn 50% NCT ở ĐBSCL mắc ít nhất hai căn bệnh trở lên (Quốc hội, 2019).

Các nghiên cứu trước đây của Văn Thị Ngọc Lan (2008), Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2011), Phan Thuận (2020a) cho thấy, đa số NCT thường gặp các bệnh, như: thoái hóa khớp, đau khớp, tim mạch, huyết áp. Đánh giá về tình trạng sức khỏe của NCT ở thành phố trong 12 tháng qua cho thấy, 65,2% NCT có ít nhất 1 căn bệnh trở lên, trong đó cả bệnh do thoái hóa theo thời gian (tai ù, mắt mờ; viêm khớp/đau khớp...) và bệnh do thay đổi lối sống (huyết áp, tim mạch, tiểu đường, suy thận/gan...) (biểu 2). Một số bệnh, như: đau khớp, thoái hóa cột sống, suy thận thường được xem là những căn bệnh thể hiện sự thoái hóa theo thời gian, trong khi các bệnh huyết áp, tiểu đường, tim mạch... là những căn bệnh do sự thay đổi lối sống. Cơ cấu bệnh tật của NCT ở Việt Nam đang chuyển từ bệnh lây nhiễm sang bệnh mãn tính, không lây nhiễm và NCT ở thành phố Cần Thơ cũng giống như NCT của cả nước đang mang bệnh tật kép (UNFPA, 2014).

Biểu 2: Cơ cấu bệnh tật của người cao tuổi ở thành phố Cần Thơ (đơn vị %)



Nguồn: Kết quả khảo sát về NCT của tác giả, 2021

Đánh giá tình trạng sức khỏe giảm dần theo nhóm tuổi, có 39,7% NCT ở nhóm tuổi 60-64 đánh giá sức khỏe trong 12 tháng qua là tốt, tỷ lệ này ở nhóm tuổi từ 65-69 và 70-75 lần lượt là 37,2% và 23,1% ($\text{sig}=0,003$). Ở chiều cạnh giới cho thấy, đánh giá tình trạng sức khỏe của NCT từng nhóm tuổi chỉ có ý nghĩa thống kê đối với nhóm nữ giới cao tuổi ($\text{sig}=0,005$) và không tìm thấy sự khác biệt ở nhóm nam giới. Nhóm nữ giới từ 60-64 tuổi đánh giá sức khỏe tốt chiếm 66,7%; tỷ lệ này giảm dần theo nhóm tuổi, 47% của nhóm 65-69 tuổi và 39,6% của nhóm 70-75 tuổi. Bằng chứng này cho thấy, nữ giới càng cao tuổi thì có nguy cơ tổn thương về sức khỏe (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2011).

Sức khỏe không tốt sẽ trở thành rào cản đối với sự tham gia các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày, cho nên sức khỏe có ảnh hưởng đến chất lượng sống của NCT. Vì thế, cải thiện sức khỏe cho NCT ở thành phố Cần Thơ là một trong những vấn đề cần quan tâm nhằm góp phần nâng cao chất lượng tuổi thọ, hướng đến già hóa tích cực trong thời gian tới.

3.3. Sắp xếp nơi ở của người cao tuổi

Sự lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống của NCT chịu chi phối từ yếu tố khách quan và chủ quan (Phan Thuận, 2020b). NCT ở Việt Nam nói chung, ở thành phố Cần Thơ nói riêng

cũng phải có sự lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện thực tế. Bối cảnh già hóa dân số đã khiến NCT dễ dàng rơi vào tình trạng cô đơn ngày càng nhiều bởi vì khi đó, người già đã thu hẹp mối quan hệ xã hội, hoặc bị mất bạn bè, người thân, thậm chí bạn đời của họ (Aon, 2017) cùng với sự chuyển đổi từ cấu trúc gia đình mở rộng sang gia đình hạt nhân (Phan Thuận, 2020a). Câu hỏi đặt ra là “NCT ở thành phố Cần Thơ lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống như thế nào”? Và kết quả khảo sát cho thấy, có 64,2% NCT cho rằng họ đang chung sống với vợ/chồng, 58,6% đang sống chung với con cháu, có 7,8% đang sống một mình và có 2,6% đang sống với người thân khác. Rõ ràng, NCT lựa chọn sống độc lập với người bạn đời của họ và mô hình sống chung với con cháu không phải lựa chọn tuyệt đối, điều này cho thấy bối cảnh già hóa dân số đã ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống, bởi lẽ mô hình gia đình ít con và xu hướng sống riêng của các cặp vợ chồng trẻ ngày càng phổ biến hơn. Bên cạnh đó, có một bộ phận nhỏ sống với người thân khác hoặc một mình. Đa số những trường hợp này thường đang sống đơn thân hoặc độc thân.

“Sống ở đâu?” cũng là một trong những vấn đề liên quan đến thu xếp cuộc sống. Kết quả khảo sát cho thấy, có 84,0% NCT cho biết đang sống ở nhà của họ, có 12,0% cho biết đang sống ở nhà của con cháu và một tỷ lệ khá nhỏ đang sống ở phòng trọ hoặc trung tâm nuôi dưỡng người già và những nơi khác (4%). Điều này cho thấy, đa số NCT ở thành phố Cần Thơ có không gian sống riêng của mình; song vẫn còn có một bộ phận NCT phải vay mượn không gian để sống tiếp chuỗi ngày còn lại của tuổi già. NCT không có nhà thường là những người già có hoàn cảnh neo đơn, đặc biệt khó khăn hoặc họ di chuyển từ các địa phương khác đến thành phố để kiếm sống mưu sinh.

Kết quả khảo sát ở Cần Thơ cho thấy, chỉ số hài lòng của NCT khi sống chung với vợ/chồng của mình là 3,1 điểm so với 2,9 điểm của nhóm không chung sống với vợ/chồng. Tương tự, sống với con cái chỉ có 2,97 điểm so với 3,06 điểm của nhóm không sống chung với con cái; sống một mình và sống với người khác là 2,63 điểm và 2,27 điểm so với 3,03 điểm và 3,02 điểm của những người không sống một mình và người khác. NCT sống riêng một mình có chỉ số hài lòng là 3,15 điểm so với 3,02 điểm của nhóm ở nhà con cháu và 2,48 điểm của nhóm sống ở nơi khác (trung tâm nuôi dưỡng người già, người thân, ở trọ...). Như vậy, nhóm NCT còn sống chung với vợ/chồng và sống ở nhà mình thì có mức độ hài lòng cao hơn các nhóm khác. Nhóm NCT sống một mình và sống với người khác có mức độ hài lòng thấp hơn so với các nhóm khác. Nhóm NCT đang còn vợ/chồng có mức độ hài lòng cao hơn so với nhóm không còn vợ/chồng. Điều này cho thấy, NCT chỉ hạnh phúc khi ở chung với người bạn đời, có lẽ chỉ có những người bạn đời mới có thể hiểu và chia sẻ với nhau. Nhóm NCT sống một mình thường cảm thấy cô đơn, buồn tẻ hơn.

3.4. Nhu cầu giao lưu của người cao tuổi

Giao lưu là nhu cầu chính đáng của con người và điều này giúp cuộc sống có ý nghĩa hơn. NCT cũng có những nhu cầu cơ bản của họ, trong đó có nhu cầu giao lưu bạn bè. Kết quả khảo sát ở thành phố Cần Thơ cho thấy, có 70,8% NCT cho rằng họ có nhu cầu lưu với bạn bè. Theo lý thuyết nhu cầu của Maslow, con người muốn đạt được nhu cầu nào đó thì sẽ có hành động để đạt được nhu cầu đặt ra. Khi có nhu cầu giao lưu bạn bè, con người ta có xu hướng tìm đến nhiều hoạt động xã hội hơn và qua đó hình thành nhiều mối quan hệ xã hội. Khi đó, họ dành nhiều thời gian để tiếp xúc, giao lưu với bạn bè. Nghiên cứu còn cho thấy,

cụ ông có nhu cầu giao lưu với bạn bè chiếm 79,8% so với 63% của các cụ bà ($\text{sig}=0.000$). Điều này cho thấy, cụ ông có nhu cầu giao lưu cao hơn cụ bà, có lẽ nhu cầu này gắn với vai trò giới, nam giới hoạt động ngoài xã hội và phụ nữ gắn với gia đình. Rõ ràng, khuôn mẫu giới đã chi phối nhu cầu giao lưu của NCT và điều này đã tác động đến cơ hội tham gia các hoạt động trong đời sống hàng ngày của NCT. Nhu cầu giao lưu của NCT khác nhau ở các nhóm tuổi: 80,6% NCT từ 60-64 tuổi, 63,1% từ 65-69 tuổi và 67,3% từ 70-75 tuổi ($\text{sig}=0,003$) có nhu cầu giao lưu với bạn bè. Có 72,7% NCT ở thành thị có nhu cầu giao lưu so với 65,9% của NCT ở nông thôn, sự khác biệt này không nhiều và không có ý nghĩa thống kê.

Các dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu cho thấy, NCT đã lý giải nhu cầu giao lưu rằng, việc giao lưu hàng ngày giúp cho họ củng cố được các mối quan hệ xã hội và tìm kiếm được niềm vui trong cuộc sống, đồng thời cũng là động lực để họ tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội. “Mình đi gặp gỡ cả phê cả pháo với bạn bè cho vui và để duy trì mối quan hệ, chứ nếu suốt ngày ở nhà, ăn rồi nằm, ngủ thì chán lắm và cũng dễ sinh bệnh nữa” (PVS02, nam, 68 tuổi, cán bộ hưu trí, quận Ninh Kiều).

4. Bàn luận và hàm ý chính sách

Như vậy, chân dung đời sống của NCT thành phố Cần Thơ đã được khắc họa từ nhiều khía cạnh khác nhau. Phát hiện của nghiên cứu này khá thống nhất với nghiên cứu trước đó rằng, NCT luôn phải đối diện với tình trạng sức khỏe và tình trạng sức khỏe giảm dần theo nhóm tuổi (Văn Thị Ngọc Lan, 2008; Dương Huy Lương, 2010; Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Dương, 2018; Phan Thuận, 2020a). Nguồn thu nhập của NCT cũng đa dạng nhưng chủ yếu là từ sự hỗ trợ của con cháu (Trần Thị Vân Anh, 2008; Phan Thuận, 2020a). Tuy nhiên, nghiên cứu ở thành phố Cần Thơ cho thấy, thu nhập bình quân của NCT cũng tương đối khá (thấp hơn so mặt bằng chung của thành phố Cần Thơ là 0,7 triệu đồng). Có sự phân hóa thu nhập giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất, giữa các nguồn tạo ra thu nhập. Điều này cho thấy có sự chênh lệch về mức sống giữa các nhóm NCT. Trong đó, lương hưu là một trong những nguồn thu nhập ổn định và có thể đảm bảo cuộc sống cho NCT. Sự dịch chuyển công việc của NCT cũng được thấy rõ, nhóm NCT trước đây làm công chức, viên chức và công nhân ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước thì có sự dịch chuyển nhiều nhất, bởi vì do họ hết tuổi lao động. Đa số NCT ở thành phố Cần Thơ vẫn sống chung với người bạn đời và con cháu. Rõ ràng, mô hình gia đình truyền thống vẫn còn đan xen với gia đình hạt nhân. Khuôn mẫu giới vẫn còn chi phối nhu cầu giao lưu của NCT. Từ những bằng chứng nghiên cứu về đời sống của NCT, chúng tôi nêu một số kiến nghị hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, lương hưu có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định cuộc sống của NCT, bởi lẽ kết quả nghiên cứu cho thấy, NCT có lương hưu thì thu nhập của họ ổn định và cao hơn so với các nguồn thu nhập khác. NCT có nhiều nguồn sinh kế thì thu nhập của họ cũng cao hơn. Cho nên khuyến khích thế hệ trẻ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và cả bắt buộc để có cuộc sống tốt hơn khi về già; cần có sự đa dạng hóa nguồn hỗ trợ để góp phần cải thiện thu nhập cho NCT. Đặc biệt các khoản hỗ trợ của nhà nước cần đảm bảo cho NCT đạt được mức sống tối thiểu.

Thứ hai, sự chuyển dịch công việc của NCT làm công ăn lương trước 60 tuổi là khá rõ nét, sớm dĩ có sự chuyển dịch này là do họ đã hết tuổi lao động và buộc họ phải ra khỏi thị trường lao động. Điều này cho thấy, yếu tố tuổi tác đã trở thành rào cản đối với NCT khi

trở lại thị trường thị lao động. Do đó, cần có những biện pháp khuyến khích người sử dụng lao động; giảm phân biệt đối xử theo tuổi; hỗ trợ những thông tin việc làm, kiến thức, kỹ năng và các nguồn vốn vay để tạo việc làm cho NCT. Từ đó, giúp họ dễ dàng quay trở lại và tham gia vào thị trường lao động sau khi họ đã hết tuổi lao động. Ngoài ra, phần lớn NCT tham gia hoạt động buôn bán/kinh doanh hoặc làm nông nghiệp thì vẫn duy trì công việc này ở thời điểm hiện tại. Vì thế, tạo điều kiện cho NCT tiếp cận các nguồn hỗ trợ của nhà nước để tiếp tục các hoạt động sinh kế. Các hàm ý chính sách này không chỉ giúp NCT duy trì đóng góp cho xã hội, gia đình mà còn thích ứng với già hóa dân số.

Thứ ba, tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội cho NCT. Một trong những vấn đề của tuổi già là sức khỏe và chất lượng sức khỏe giảm dần theo nhóm tuổi. Do đó, khuyến khích NCT hoạt động rèn luyện sức khỏe và thay đổi lối sống theo hướng tích cực để có một tuổi già khỏe mạnh. Đồng thời, thực tế cho thấy, các dịch vụ chăm sóc NCT ở thành phố còn hạn chế, cho nên thành phố cần có chiến lược đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe NCT, như: xây dựng chiến lược phát triển NCT, có chuyên ngành Lão khoa, thiết lập môi trường thân thiện với NCT; bên cạnh đó, bản thân NCT tích cực tham gia tập thể dục, rèn luyện sức khỏe.

Thứ tư, giảm bớt sự cô đơn, phiền muộn của NCT. Nhu cầu giao lưu của NCT là nhu cầu chính đáng, song do giới hạn sức khỏe và tuổi tác nên nhu cầu này cũng bị ảnh hưởng, đặc biệt còn bị chi phối bởi khuôn mẫu giới. Do đó, hỗ trợ các biện pháp giúp cho NCT giao lưu xã hội, để NCT vui bớt sự cô đơn, cải thiện tình trạng sức khỏe tinh thần của họ. Vì thế, cần hướng dẫn NCT sử dụng công nghệ và hỗ trợ kết nối internet, tạo sự gắn kết hơn với thế hệ trẻ. Xã hội cần cởi mở hơn trong quyết định tái hôn của NCT.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quốc Anh (2018), “Già hóa dân số và chất lượng cuộc sống người cao tuổi ở Việt Nam”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
2. Trần Thị Vân Anh (2008), “Người cao tuổi và gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu gia đình và giới*, số 2.
3. Ban đại diện người cao tuổi thành phố Cần Thơ (2020), *Báo cáo phát huy vai trò của người cao tuổi năm 2020*, Cần Thơ.
4. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2019), *Kết quả điều tra dân số và nhà ở 2019*, Cần Thơ.
5. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2011), *Điều tra về người cao tuổi Việt Nam: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
6. Lê Văn Khâm (2014), “Vấn đề về người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7 (80).
7. Văn Thị Ngọc Lan (2008), “Người cao tuổi với vấn đề sức khỏe chăm sóc sức khỏe”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 12 (124).
8. Giang Thanh Long, Đỗ Thị Thu (2019), “Chính sách an sinh xã hội đối với già hóa dân số ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 2, 3.
9. Dương Huy Lương (2010), *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống người cao tuổi và thử nghiệm giải pháp can thiệp ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương*, Luận án tiến sĩ, Học viện Quân y, Hà Nội.
10. Bé Quỳnh Nga (2005), “Chiến lược sống của người cao tuổi trước những biến đổi của gia đình nông thôn hiện nay”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
11. Quốc hội (2019), *Luật Người cao tuổi của Quốc hội khóa XII, kì họp thứ 6, số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009*, Hà Nội.

12. Lê Thi (2011), “Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay và việc phát huy vai trò tích cực của người cao tuổi”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 5.
13. Phan Thuận (2020a), “Đời sống xã hội của người cao tuổi ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh già hóa dân số”, Tạp chí *Khoa học xã hội Nam Bộ*, số 4.
14. Phan Thuận (2020b), *Ảnh hưởng của già hóa dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long*, Báo cáo đề tài cơ sở, Học viện Chính trị khu vực IV, Cần Thơ.
15. Dương Chí Thiện (2001), “Người cao tuổi và sự sắp xếp cuộc sống trong gia đình hiện nay - tác động của những yếu tố kinh tế - xã hội, văn hóa”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1 (73).
16. Tổng cục Thống kê (2017), *Kết quả chủ yếu của điều tra dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2016*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
17. Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
18. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
19. UNFPA (2011), *Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị*, Hà Nội.
20. UNFPA (2014), *Tóm tắt chính sách: Bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi ở Việt Nam: Lương hưu xã hội*, Hà Nội.
21. Aon (2017), *An Ageing Population a Threat or an Opportunity for Your Business*, England & Wales No. 3127195, registered office: Briarcliff House, Kingsmead, Farnborough GU14 7TE, Copyright 2017 Aon Inc.
22. Diener, E., Emmons, R.A., Larsen, R.J., and Griffin, S. (1985), “The Satisfaction with Life Scale”, *Journal of Personality Assessment*, 49.
23. Economic and Social Affairs (2013), *World Ageing Population 2013*, United Nation, New York.
24. ILO (1967), *Convention C128 - Invalidity, Old-Age and Survivors' Benefits Convention*, (No. 128).
25. Government Office for Science (2016), *Future of an Ageing Population*, London.
26. Harvey, S.A. (1993), “Quality of Life and the Use of Time Theory Measurement”, *Journal of Occupational Science*, Australia, Vol. 1.
27. Kumagai, S. (2019), “Thailand’s Efforts to Cope with a Rapidly Aging Population - Can Thailand Become a Trailblazer for Other Middle-income Countries Struggling with Demographic Ageing?”, *Pacific Business and Industries*, Vol. 19.
28. Takao, Y. (2009), “Ageing and Political Participation in Japan”, *Asian Survey*, Vol. 44.
29. UN Economic and Social Council (1995), *General Comment No. 6: The Economic, Social and Cultural Rights of Older Persons*, UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights (CESCR).
30. Lê Xuân Cừ, Phạm Hải Dương (2018), “Xu thế già hóa dân số ở nước ta hiện nay và yêu cầu nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi”, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/chuong-trinh-1125/2018/52239/Xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-hien-nay-va.aspx>, truy cập ngày 20/12/2019.
31. Nguyễn Thị Xuân Mai (2019), “Đo lường sự hài lòng của cuộc sống”, <http://consosukien.vn/do-luong-su-hai-long-voi-cuoc-song.htm>, truy cập ngày 25/05/2021.
32. Adu-bediaka, I., (2013), “Causes and Interventions of Loneliness and Isolation on Wellbeing of Elderly in Finland”, <https://www.theseus.fi/bitstream/handle/10024/69558/final.pdf?sequence=1&isAllowed=y>, truy cập ngày 20/8/2020.
33. Foot, D.K. (2008), “Some Economic and Social Consequences of Population”, <https://irpp.org/wp-content/uploads/assets/research/canadian-priorities-agenda/consequences-of-population-aging/foot-sept-2008.pdf>, truy cập ngày 20/12/2019.
34. Jaafar, H. Mohamad and Romil, H. Muhamad (2019), “Using Technology to Help the Elderly Cope with Loneliness”, <https://www.thestar.com.my/lifestyle/health/2019/11/21/technology-helps-combat-loneliness-among-elderly>; truy cập ngày 15/03/2020.